

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN CBTS XNK MINH CƯỜNG**  
2. Địa chỉ : **Ấp 3, Xã Tắc Vân, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau (nay là Ấp 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau)**  
3. Loại mẫu : **Nước dưới đất**  
4. Số lượng : **01 mẫu**  
5. Ngày nhận mẫu : **27/6/2025**  
6. Ngày trả kết quả : **04/7/2025**  
7. Kết quả thử nghiệm:

| TT | Chỉ tiêu                                          | Đơn vị tính | Kết quả            | Phương pháp thử nghiệm                          |
|----|---------------------------------------------------|-------------|--------------------|-------------------------------------------------|
| 01 | pH                                                | -           | 8,14               | TCVN 6492:2011                                  |
| 02 | TDS                                               | mg/L        | 604                | HDCV/ĐN-H19                                     |
| 03 | Độ cứng tổng số (tính theo CaCO <sub>3</sub> )    | mg/L        | 74,5               | TCVN 6224:1996                                  |
| 04 | Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)  | mg/L        | 0,13               | SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> .B&F:2023            |
| 05 | Cl <sup>-</sup>                                   | mg/L        | 118                | TCVN 6194:1996                                  |
| 06 | Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> tính theo N) | mg/L        | 0,02               | SMEWW 4500-NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> .B:2023 |
| 07 | Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> tính theo N) | mg/L        | 0,54               | TCVN 6180:1996                                  |
| 08 | Chỉ số Permanganat                                | mg/L        | KPH<br>(MDL=0,2)   | TCVN 6186:1996                                  |
| 09 | Fe                                                | mg/L        | < 0,105            | SMEWW 3111B:2023                                |
| 10 | As                                                | mg/L        | KPH<br>(MDL=0,001) | SMEWW 3114C:2023                                |
| 11 | Mn                                                | mg/L        | < 0,075            | SMEWW 3111B:2023                                |
| 12 | Coliforms                                         | CFU/100mL   | KPH<br>(MDL=1)     | TCVN 6187-1:2019                                |

**Ghi chú:**

- 25.4977.NDD.01: Nước dưới đất tại giếng khoan của Công ty CP CBTS XNK Minh Cường (ký hiệu mẫu theo phiếu yêu cầu của khách hàng: NN-01 - MC)
- "MDL": Giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích; "KPH": Không phát hiện
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
- Kết quả thử nghiệm của mẫu trên được thực hiện bởi nhà thầu phụ Vimcerts 292
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.

TRƯỞNG PHÒNG QT&PT

  
**Nguyễn Hoàng Việt**

BM.02-16

LBH: 04 - 01/11/2024

  
**GIÁM ĐỐC**  
  
**Lê Quốc Hiếu**

Trang: 1/1